

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Tài chính Ngân hàng

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **TRẦN THỊ THANH TÚ**

2. Ngày tháng năm sinh: 15/11/1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận, Tỉnh Bình Thuận

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 1A Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Đại học Quốc gia Hà Nội, xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: (84) 904.385858;

E-mail: tuttt@vnu.edu.vn, tuttt76@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9 đến tháng 12/1998: Chuyên viên phân tích tài chính, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Từ năm 1998 đến năm 2008: Giảng viên, Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Từ năm 2003 đến năm 2006: Giảng viên, Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, kiêm Phó Giám đốc Trung tâm Tài chính vi mô, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Từ năm 2005 đến năm 2011: Trưởng nhóm nghiên cứu Tài chính Ngân hàng, Diễn đàn phát triển Việt Nam, Dự án hợp tác nghiên cứu giữa Viện chính sách quốc gia Nhật bản (GRIPS) và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Từ năm 2008 đến năm 2011: Phó Trưởng bộ môn Tài chính doanh nghiệp, Giảng viên, Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Từ 11/2011 đến 1/2015: Phó Chủ nhiệm Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

Từ 02/2015 đến 12/2020: Chủ nhiệm Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

Từ 12/2020 đến 5/2022: Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN

Từ 6/2022 đến 10/2023: Trưởng Ban, Ban Xúc tiến đầu tư, ĐHQGHN

Từ 10/2023 đến nay: Trưởng Ban, Ban Khoa học - Công nghệ, ĐHQGHN

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Ban, Ban Khoa học - Công nghệ, ĐHQGHN; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng ban, ĐHQGHN.

Cơ quan công tác hiện nay: Ban Khoa học - Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội  
Giảng viên cơ hữu, Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024-73066001

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN
- Khoa Quốc tế Pháp ngữ, ĐHQGHN
- Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN

**8.** Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN
- Khoa Quốc tế Pháp ngữ, ĐHQGHN
- Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN

**9.** Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học ngày 20 tháng 08 năm 1998, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Tài chính Ngân hàng

Nơi cấp bằng đại học (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam

- Được cấp bằng đại học ngày 06 tháng 08 năm 1996, ngành: Tiếng Anh

Nơi cấp bằng đại học (trường, nước): Trường Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội (nay là trường ĐH Hà Nội), Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 06 tháng 02 năm 2006, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kế toán Quốc tế

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Công nghệ Swinburne, Úc.

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 03 năm 2007, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam

10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày 14 tháng 1 năm 2015, bổ nhiệm chức danh PGS ngày 10 tháng 04 năm 2015, ngành: Kinh tế

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Tài chính ngân hàng xanh:** Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển ngân hàng xanh, đầu tư xanh, trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh trên thế giới và đánh giá thực tiễn Việt Nam; Xây dựng bộ chỉ số đánh giá mức độ phát triển của hệ thống tài chính xanh; Đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư xanh, ngân hàng xanh ở Việt Nam; Vai trò của Chính phủ trong phát triển hệ thống tài chính xanh ở Việt Nam, xu thế phát triển của mô hình doanh nghiệp trong nền kinh tế xanh.

- **Kinh tế tuần hoàn:** Nghiên cứu các mô hình kinh doanh tuần hoàn trên thế giới, kinh nghiệm phát triển các mô hình kinh doanh tuần hoàn, nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mô hình kinh doanh tuần hoàn của doanh nghiệp; nghiên cứu thực trạng mô hình kinh doanh tuần hoàn ở Việt Nam, các giải pháp thúc đẩy mô hình kinh doanh tuần hoàn ở Việt Nam nhằm phát triển nền kinh tế tuần hoàn.

- **Quản trị công ty trong ngân hàng:** Nghiên cứu tác động của quản trị công ty đến kết quả hoạt động của Ngân hàng; Nghiên cứu tác động của cấu trúc sở hữu đến kết quả hoạt động của Ngân hàng; Tác động của đặc điểm hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động của Ngân hàng và doanh nghiệp, khẩu vị rủi ro của các ngân hàng Việt Nam và Mỹ, kinh nghiệm quản trị công ty tại các ngân hàng Mỹ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu; Nghiên cứu quản trị rủi ro, xây dựng chỉ số tái cấu trúc chủ động, chỉ số cảnh báo sớm cho các NHTMCP Việt Nam.

- **Tái cấu trúc ngân hàng:** Định giá ngân hàng, nợ xấu, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng; Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ đến hoạt động của hệ thống Ngân hàng; Kinh nghiệm quốc tế về tái cấu trúc Ngân hàng; Đánh giá kết quả tái cấu trúc hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay. (trước khi được công nhận PGS)

- **Cơ cấu vốn và định giá doanh nghiệp:** Cơ cấu vốn tối ưu, các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu vốn của doanh nghiệp, tác động của cơ cấu vốn đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, định giá doanh nghiệp (trước khi được công nhận PGS).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): 08 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng): hơn 50 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành chủ nhiệm: 01 Đề tài cấp Nhà nước trong chương trình KX, 01 Đề tài Nafosted, 01 đề tài NCKH cấp Bộ, 02 đề tài NCKH trọng điểm cấp Đại học Quốc gia, 01 đề tài cấp tỉnh.

- Đã công bố 77 bài báo KH, trong đó 22 bài báo khoa học quốc tế, 08 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong danh mục ISI và Scopus)

- Số lượng sách đã xuất bản 25 sách chuyên khảo, tham khảo và giáo trình: Chủ biên 01 Giáo trình, Chủ biên và đồng chủ biên 07 sách chuyên khảo.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, ĐHQGHN, 2022-2023

- Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN vì đóng góp cho sự phát triển Câu lạc bộ Nhà khoa học ĐHQGHN, 2022

- Học bổng của Chính phủ Mỹ, Fulbright US - ASEAN Scholar Program 2018-2019

- Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN vì có thành tích xuất sắc trong NCKH, 2018

- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, cho đóng góp có giá trị cao cho sự phát triển của Đại học, 2016

- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, cho thành tích xuất sắc trong NCKH, 2015

- Giải thưởng “Thành tích xuất sắc trong Nghiên cứu Khoa học - năm học 2010- 2011” của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải cao cấp Trường và Bộ trong 3 năm 2009, 2010 và 2011

- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, cho thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, 2011

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

\* Đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định tại khoản 2, Điều 61, Luật Giáo dục:

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, đã được đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Lý lịch bản thân rõ ràng, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Tôi luôn tự ý thức và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân, nghĩa vụ của nhà giáo, chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định của ĐHQGHN.

\* Thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định tại điều 63 Luật Giáo dục:

Là một giảng viên, tôi luôn thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Trong gần 26 năm là giảng viên, tôi luôn hoàn thành tốt công việc giảng dạy đại học và sau đại học, tham gia hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, tham gia và chủ biên viết

giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, tham gia các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải cấp Bộ. Là giảng viên của Trường Đại học Kinh tế quốc dân trong 13 năm (1998-2011), tôi đã được học hỏi, đào tạo từ các thế hệ thầy cô giáo, được truyền dạy các kinh nghiệm trong nghề giáo, đến lượt mình, tôi lại tham gia đào tạo và hướng dẫn cho các giảng viên trẻ về kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy. Tôi đã được học tập và rèn luyện trong một môi trường sư phạm, giàu truyền thống, góp phần định hình nhân cách của một nhà giáo chân chính, được trau dồi về chuyên môn và nghiệp vụ để có thể đóng góp tốt hơn cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Từ năm 2011, tôi chuyển sang công tác tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, với trách nhiệm là Phó Chủ nhiệm khoa Tài chính Ngân hàng. Tôi đã tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, khoa học, phát triển tốt nhất năng lực nghiên cứu của Giảng viên, từ đó, có những đóng góp nhất định cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa và Nhà trường. Tháng 1 năm 2015, tôi được công nhận đạt chuẩn Phó giáo sư ngành Kinh tế, tháng 2 năm 2015, được bổ nhiệm Chủ nhiệm khoa Tài chính Ngân hàng, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong gần 9 năm công tác (2011-2020) tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, tôi đã chủ trì tham gia đấu thầu thành công 03 dự án quốc tế, chủ trì 01 và tham gia 01 đề tài do quỹ Nafosted tài trợ, chủ trì 1 Đề tài cấp Nhà nước KX01.27/16-20, tham gia 01 Đề tài cấp Nhà nước KX.01.22/16-20, tham gia đấu thầu và thực hiện 01 Đề tài cấp Nhà nước trong Chương trình KH-CN trọng điểm Tây Bắc, chủ trì 01 và tham gia 02 đề tài cấp tỉnh, chủ trì 02 đề tài trọng điểm cấp Đại học Quốc gia, trưởng nhóm nghiên cứu mạnh cấp Đại học Quốc gia về Quản trị công ty trong ngân hàng (2014), tham gia hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong Khoa và trường, góp phần khẳng định rõ nét định hướng nghiên cứu khoa học của trường Đại học Kinh tế, khẳng định vị thế nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở trong nước và quốc tế.

Với vai trò là một giảng viên của Bộ môn Tài chính, kiêm Trưởng Bộ môn từ năm 2013 đến năm 2020, tôi đã tích cực tổ chức các Seminar trong bộ môn và trong khoa, tạo cơ hội giao lưu, trao đổi học thuật giữa các giảng viên trong và ngoài khoa, trong và ngoài nước, tham gia biên soạn và chủ biên 20 sách chuyên khảo, tham khảo và giáo trình, công bố 12 bài báo trên tạp chí quốc tế, trong đó có 04 bài trên tạp chí uy tín, tham gia và chủ trì xây dựng Đề án đào tạo Tiến sỹ Tài chính ngân hàng ban hành năm 2014, Thạc sỹ Quản trị các Tổ chức tài chính ban hành năm 2016, 01 chương trình đào tạo Chất lượng cao đại học ban hành năm 2017, điều chỉnh 02 chương trình đào tạo thạc sỹ (2016).

Là trưởng Bộ môn, Chủ nhiệm Khoa, tôi luôn gương mẫu trong các hoạt động chuyên môn, chủ trì các hoạt động chuyên môn, sinh hoạt khoa học của Khoa và Bộ

môn, hỗ trợ giảng viên, đào tạo giảng viên trẻ, tạo môi trường và động lực làm việc chuyên nghiệp, khoa học cho giảng viên và cán bộ của Khoa, tạo sức lan tỏa cho các giảng viên và đồng nghiệp trong trường, đưa Khoa Tài chính Ngân hàng trở thành 1 đơn vị luôn tiên phong và gương mẫu trong các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học của nhà trường, đóng góp vào nâng cao vị thế nghiên cứu khoa học và nâng cao chất lượng đào tạo của trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tôi luôn giữ gìn phẩm chất, tác phong, uy tín, danh dự của nhà giáo, hợp tác và chia sẻ, học hỏi đồng nghiệp, tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng và minh bạch với người học, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học. Với tinh thần cầu thị, tôi luôn có ý thức học hỏi các Thầy Cô, đồng nghiệp, đồng thời không ngừng tự học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, và các kỹ năng cần thiết cho hoạt động chuyên môn và quản lý nhằm đóng góp vào việc đổi mới đào tạo của Nhà trường, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục của Ngành và sự nghiệp đổi mới kinh tế của đất nước.

Tháng 12 năm 2020, tôi được điều động và phân công công tác tại trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội, với vị trí phó hiệu trưởng. Tôi được phân công phụ trách công tác đảm bảo chất lượng, hợp tác phát triển, tài chính và thanh tra pháp chế. Tôi luôn nỗ lực học hỏi từ các Giáo sư Nhật bản, các chuyên gia JICA và các lãnh đạo của trường ĐH Việt Nhật để có thể hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc mới. Tôi nỗ lực hết mình để hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý được giao, đồng thời vẫn tham gia công tác chuyên môn: giảng dạy cho chương trình thạc sĩ quản trị kinh doanh, chủ trì 01 đề tài NCKH trọng điểm cấp ĐHQGHN, hoàn thành vượt mức giờ NCKH, chủ trì nhóm nghiên cứu về Tài chính bền vững, chủ biên sách chuyên khảo về Phát triển ngân hàng xanh, chủ trì chỉnh sửa Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) và chủ trì thực hiện kiểm định theo chuẩn AUN 2 Chương trình thạc sĩ: Chính sách công và Kỹ thuật môi trường.

Tháng 4 năm 2021, tôi được Giám đốc ĐHQGHN phân công kiêm nhiệm Trưởng ban điều hành Câu lạc bộ Nhà khoa học ĐHQGHN (VSL), là một tổ chức phi hành chính, trực thuộc ĐHQGHN, với mục tiêu kết nối các nhà khoa học trong toàn ĐHQGHN cũng như kết nối lan tỏa các sản phẩm NCKH của ĐHQGHN với cộng đồng khoa học quốc gia và quốc tế. Thông qua các chuỗi VSL-Talk được tổ chức hàng tháng, hàng quý và các Hội thảo quốc gia, quốc tế lớn hàng năm, VSL đã góp phần lan tỏa và nâng cao vị thế khoa học của các NKH ĐHQGHN, đóng góp vào sự phát triển của ĐHQGHN.

Tháng 9 năm 2022, tôi được Giám đốc ĐHQGHN điều động và bổ nhiệm vị trí Trưởng ban Xúc tiến đầu tư, kiêm Chủ tịch Quỹ phát triển ĐHQGHN. Ban Xúc tiến đầu tư là Ban mới được thành lập, với chức năng chính là kết nối các nhà khoa học, nhóm nghiên cứu của ĐHQGHN với cộng đồng doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển giao,

thương mại hoá các sản phẩm khoa học công nghệ của ĐHQGHN, thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong ĐHQGHN. Tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Tháng 10 năm 2023, Giám đốc ĐHQGHN điều động tôi sang vị trí Trưởng ban, Ban Khoa học - Công nghệ. Với trọng trách mới, tôi luôn nỗ lực học hỏi từ Ban giám đốc, các thế hệ lãnh đạo đi trước, các Giáo sư, chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong các lĩnh vực Khoa học - Công nghệ của ĐHQGHN, để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ. Các chính sách KHCN tiên phong, đột phá của ĐHQGHN đã được hiện thực hoá, đi vào thực chất với quyết tâm của Ban giám đốc và các ban chức năng: thu hút nhà khoa học xuất sắc, đầu tư vun cao vào các nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm trọng điểm, số lượng và chất lượng công bố quốc tế của nhà khoa học ĐHQGHN tăng dần qua các năm (12-15%/năm) và đặt mục tiêu 1.8 CBQT/GV vào năm 2030, số lượng các lĩnh vực, ngành được xếp hạng thế giới của ĐHQGHN tăng từ 5 lĩnh vực (2022) đến 8 lĩnh vực (2024) và đặt mục tiêu 15 lĩnh vực năm 2030. Tôi đã chủ trì xây dựng mới 05 Chương trình KHCN trọng điểm cấp ĐHQGHN và triển khai 02 Chương trình KHCN trọng điểm về Khoa học Sức khoẻ và Chip & Bán dẫn tại ĐHQGHN từ tháng 12 năm 2023.

Trong 3 năm đảm nhận vị trí quản lý, tôi vẫn luôn ưu tiên và được các lãnh đạo quan tâm động viên để dành thời gian cho nghiên cứu, giảng dạy, nuôi dưỡng và phát triển chuyên môn. Hàng năm, tôi đều hoàn thành 100% định mức giờ giảng và giờ nghiên cứu khoa học, chủ trì nhóm nghiên cứu mạnh cấp trường, xuất bản 03 sách chuyên khảo và 05 bài trên tạp chí quốc tế uy tín, tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học tại Trường Quốc tế ĐHQGHN với tư cách Giảng viên cơ hữu và các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN với tư cách giảng viên thỉnh giảng. Tôi tự đánh giá thấy mình đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ của một nhà giáo. Tôi đã vinh dự được nhận Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân vì các thành tích và đóng góp đã đạt được trong giảng dạy và NCKH.

Đánh giá chung: Trong 26 năm giảng dạy, tôi luôn hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của nhà giáo với tư cách của một giảng viên đại học, một cán bộ quản lý giáo dục, có đóng góp nhất định vào sự phát triển của tổ chức nơi công tác, đủ tiêu chuẩn được xét công nhận học hàm Giáo sư.

**2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:**

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 26 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học       | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/ số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|---------------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |               | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SDH |                                                                                            |
| 1               | 9/2017-6/2018 |                           |     | 4                                  | 1                                       | 87                                 | 29  | 218/303.4/189                                                                              |
| 2               | 9/2018-6/2019 |                           |     | 3                                  | 0                                       | 33                                 | 47  | 87/166.8/94.5                                                                              |
| 3               | 9/2019-6/2020 | 1                         |     | 2                                  | 0                                       | 87                                 | 128 | 215/473.4/189                                                                              |
| 4               | 9/2020-6/2021 | 1                         | 1   | 2                                  | 0                                       | 0                                  | 66  | 56/224.5/128.2                                                                             |
| 03 năm học cuối |               |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                            |
| 5               | 9/2021-6/2022 | 1                         | 1   | 2                                  | 0                                       | 0                                  | 48  | 48/176.5/54                                                                                |
| 6               | 9/2022-6/2023 | 1                         |     |                                    | 0                                       | 5                                  | 32  | 37/162/54                                                                                  |
| 7               | 9/2023-6/2024 | 1                         |     |                                    | 0                                       | 20                                 | 36  | 56/180/54                                                                                  |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (nay là Trường ĐH Hà Nội) số bằng: 5874 năm cấp: 1996.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):



Chương trình nhiệm vụ chiến lược, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Chương trình chất lượng cao, Tài chính ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Chương trình thạc sĩ Fintech - Công nghệ Tài chính, Khoa Quốc tế Pháp ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường ĐH Việt Nhật, ĐHQGHN

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, 1996

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc<br>HVCH/CK2/<br>BSNT | Đối tượng |                   | Trách nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời gian<br>hướng dẫn<br>từ ... đến<br>... | Cơ sở đào<br>tạo          | Ngày, tháng,<br>năm được<br>cấp bằng/có<br>quyết định<br>cấp bằ |
|----|-----------------------------------------|-----------|-------------------|--------------------------|-----|---------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------|
|    |                                         | NCS       | HVCH/C<br>K2/BSNT | Chính                    | Phụ |                                             |                           |                                                                 |
| 1  | Phạm Bảo<br>Khánh                       | x         |                   | x                        |     | 2011-2015                                   | Trường<br>ĐHKQTĐ          | 16/05/2015                                                      |
| 2  | Lê Quốc<br>Minh                         | x         |                   |                          | x   | 2012-2016                                   | Học viện<br>Hậu cần       | 28/11/2017                                                      |
| 3  | Trần Việt<br>Dung                       | x         |                   |                          | x   | 2012-2017                                   | Trường<br>ĐHKT,<br>ĐHQGHN | 12/12/2018                                                      |
| 4  | Trần Thị<br>Hường                       | x         |                   | x                        |     | 2016-2020                                   | Trường<br>ĐHKQTĐ          | 06/5/2021                                                       |
| 5  | Ngô Anh<br>Phương                       | x         |                   | x                        |     | 2016-2020                                   | Trường<br>ĐHKT,<br>ĐHQGHN | 05/02/2021                                                      |
| 6  | Nguyễn Thị<br>Yến                       | x         |                   |                          | x   | 2018-2022                                   | Trường<br>ĐHKQTĐ          | 12/12/2023                                                      |
| 7  | Đoàn Đức<br>Minh                        | x         |                   | x                        |     | 2018-2022                                   | Trường<br>ĐHKT,<br>ĐHQGHN | 08/7/2023                                                       |
| 8  | Nguyễn Thị<br>Phương Anh                | x         |                   | x                        |     | 2020-2023                                   | Trường<br>ĐHKT,<br>ĐHQGHN | 29/3/2024<br>(QĐ công<br>nhận TS)                               |

*Ghi chú:* Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:**

| <b>TT</b>                             | <b>Tên sách</b>                                                                   | <b>Loại sách (CK, GT, TK, HD)</b> | <b>Nhà xuất bản và năm xuất bản</b> | <b>Số tác giả</b> | <b>Chủ biên</b> | <b>Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)</b> | <b>Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)</b> |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|-----------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| <b>A Trước khi được công nhận PGS</b> |                                                                                   |                                   |                                     |                   |                 |                                                |                                                                   |
| 1                                     | Tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Những rào cản cần phải vượt qua                     | TK                                | NXB Lý luận chính trị - 2005        | 14                |                 | 167-192                                        | Xác nhận của ĐH KTQD sử dụng trong đào tạo                        |
| 2                                     | Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành)                                     | TK                                | NXB Đại học Kinh tế Quốc dân - 2007 | 10                |                 | 109-138                                        | Xác nhận của ĐH KTQD sử dụng trong đào tạo                        |
| 3                                     | Nguồn tài chính trong nước và nước ngoài cho tăng trưởng ở Việt Nam               | TK                                | NXB Lao động Xã hội                 | 8                 | Đồng chủ biên   | 186 - 205                                      | Xác nhận của ĐH KTQD sử dụng trong đào tạo ĐH&SĐH                 |
|                                       | Financing Vietnam's growth: Domestic and foreign sources of Development           | TK                                | NXB Lao động Xã hội - 2009          | 8                 | Đồng chủ biên   | 186-205                                        | Xác nhận của ĐH KTQD sử dụng trong đào tạo ĐH&SĐH                 |
| 4                                     | Những vấn đề tài chính sau khủng hoảng ở Việt Nam                                 | TK                                | NXB Văn hóa thông tin - 2010        | 7                 | Đồng chủ biên   | 125-148                                        | Xác nhận của ĐH KTQD sử dụng trong đào tạo ĐH&SĐH                 |
| 5                                     | Vượt qua bẫy thu nhập trung bình: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam           | TK                                | NXB Giao thông Vận tải - 2010       | 9                 |                 | 11-42                                          | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SĐH           |
| 6                                     | Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam - 10 năm nhìn lại và định hướng tương lai | TK                                | NXB Giao thông Vận tải - 2011       | 13                |                 | 145-186                                        | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SĐH           |

| TT                                | Tên sách                                                                       | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản             | Số tác giả | Chủ biên      | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|------------|---------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 7                                 | Phụ nữ khởi nghiệp tại Việt Nam                                                | CK                         | NXB ĐHQGHN - 2013                        | 14         |               | 37-67, 121-153                          | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |
| 8                                 | Đối diện thách thức tái cơ cấu kinh tế                                         | TK                         | NXB ĐHQGHN - 2013                        | 16         |               | 169-246                                 | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |
| 9                                 | Quản trị công ty trong ngân hàng - thông lệ quốc tế và thực tiễn Việt Nam      | CK                         | NXB ĐHQGHN- 2014                         | 13         | Chủ biên      | 117-181                                 | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |
| 10                                | Entrepreneurial Women in Asia: Case Studies & Perspectives                     | CK                         | Myanmar Heritage publications 2014       | 38         |               | 107-117                                 | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |
| <b>Sau khi được công nhận PGS</b> |                                                                                |                            |                                          |            |               |                                         |                                                            |
| 11                                | Phát triển sản phẩm tài chính phái sinh cho thị trường bất động sản ở Việt Nam | CK                         | NXB Khoa học Kỹ thuật, 12/2015           | 7          | Đồng chủ biên | 69 - 72<br>142-148                      | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |
| 12                                | Chính sách phát triển Đổi mới và hội nhập                                      | CK                         | NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, 6/2015 | 13         |               | 135-160                                 | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |

| TT | Tên sách                                                                                        | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                | Số tác giả | Chủ biên      | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|------------|---------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 13 | Tài chính Ngân hàng Kế toán xanh - Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam                    | CK                         | NXB Khoa học Kỹ thuật, tháng 12/2016        | 11         | Đồng chủ biên | 164-202<br>91-106                       | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |
| 14 | Phát triển bền vững hệ thống Ngân hàng Việt Nam                                                 | CK                         | NXB Chính trị Quốc gia 12/2016              | 12         | Đồng chủ biên | 80-194                                  | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |
| 15 | Tái cấu trúc hệ thống tài chính ở Việt Nam                                                      | CK                         | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 12/2017        | 8          |               | 7-8,<br>107-137                         | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |
| 16 | Đánh giá tác động của các khu và cụm công nghiệp đến phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên  | CK                         | Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, 7/2018      | 11         | Chủ biên      | 107-140<br>189-195                      | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |
| 17 | Phân tích tài chính                                                                             | GT                         | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 4/2018         | 8          | Chủ biên      | 13-40,<br>205-253                       | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |
| 18 | Hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ tại Việt Nam: Lý thuyết, thực trạng và giải pháp | CK                         | Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân- 2019 | 19         |               | 238-279                                 | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH    |

| TT | Tên sách                                                                                                                   | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản           | Số tác giả | Chủ biên      | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)                  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------|------------|---------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 19 | Phát triển hệ thống tài chính xanh nhằm thúc đẩy kinh tế xanh ở Việt Nam                                                   | TK                         | Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, 6/2020 | 19         | Chủ biên      | 42 - 48<br>164-178<br>315 - 346         | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH                     |
| 20 | Năng lực cạnh tranh của ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập cộng đồng kinh tế chung ASEAN (AEC)          | TK                         | Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, 5/2020 | 9          | Đồng Chủ biên | 181-198                                 | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH                     |
| 22 | Giáo trình Phân tích tài chính (Tái bản, có bổ sung và sửa chữa)                                                           | GT                         | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020      |            | Chủ biên      | 13-40,<br>205-253                       | Xác nhận của ĐHKT, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH                     |
| 23 | Phát triển ngân hàng xanh ở Việt Nam                                                                                       | CK                         | NXB Khoa học kỹ thuật, 2021            | 3          | Đồng chủ biên | 16-35,<br>116-138                       | Xác nhận của ĐHKT, Trường ĐH Việt Nhật ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH |
| 24 | Phát triển mô hình Kinh doanh tuần hoàn ở Việt Nam - Thực tiễn và một số khuyến nghị                                       | CK                         | NXB ĐHQGHN, 2024                       | 2          | Đồng chủ biên | 37-54<br>77-86                          | Xác nhận của Trường Quốc tế, ĐHQG HN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH           |
| 25 | Hệ thống Chỉ tiêu cảnh báo sớm nhằm tái cơ cấu chủ động ngân hàng thương mại - Kinh nghiệm quốc tế và áp dụng cho Việt Nam | CK                         | NXB ĐHQGHN, 2024                       | 2          | Đồng chủ biên | 96-107<br>136-141                       | Xác nhận của Trường Quốc tế, ĐHQGHN sử dụng trong đào tạo ĐH&SDH            |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ], .....

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang ..... đến trang ..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

| TT                                  | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình, dự án, đề tài,...)                     | Trách nhiệm (CN, PCN, TK) | Mã số, cấp quản lý                         | Quyết định giao nhiệm vụ (số, ngày tháng) | Thời gian thực hiện (tháng, năm... đến tháng, năm...) | Văn bản nghiệm thu (văn bản, số, ngày tháng, năm), xếp loại kết quả |
|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| <b>Trước khi được công nhận PGS</b> |                                                                                          |                           |                                            |                                           |                                                       |                                                                     |
| 1                                   | Tác động của cơ cấu vốn đến thu nhập trên vốn chủ sở hữu của các CTNY trên TTCK Việt Nam | CN                        | B2008.06.76<br>Bộ Giáo dục & Đào tạo       | 878/QĐ-QLKH ngày 23/5/2008                | 2008-2010                                             | 8750/QĐ-BGDĐT ngày 6/7/2010<br>Xếp loại Tốt                         |
| 2                                   | Rà soát, đánh giá các Chương trình mục tiêu quốc gia ở Tây Bắc                           | TK                        | Bộ KH&CN, VPCT<br>KH&CN trọng điểm Tây Bắc | 03/2013-KHCN-TB.03X/13-18 ngày 15/12/2013 | 2013-2015                                             | 4689/QĐ-ĐHKT ngày 23/11/2015, xếp loại Đạt                          |
| 3                                   | Xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực quản trị điều hành của các NHTM Việt Nam            | CN                        | QGTĐ.12.22<br>ĐHQGHN                       | 3881/QĐ-KHCN ngày 16/11/2012              | 2012-2014                                             | 3588/QĐ-ĐHKT ngày 10/10/2014, xếp hạng Xuất sắc                     |
| <b>Sau khi được công nhận PGS</b>   |                                                                                          |                           |                                            |                                           |                                                       |                                                                     |
| 4                                   | Thúc đẩy doanh nghiệp tuần hoàn trong nền kinh tế Việt Nam                               | CN                        | Đề tài trọng điểm cấp ĐHQGHN: QG21.44      | 933/QĐ-ĐHQGHN ngày 5/4/2021               | 2021-2023                                             | QĐ 5010/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/12/2023<br>Xếp loại Xuất sắc              |

|   |                                                                                                                                                  |    |                                               |                                                         |           |                                                         |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------|
| 5 | Phát triển hệ thống tài chính xanh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh ở Việt Nam                                                                  | CN | KX.01.27/<br>16.20<br>Bộ KH&CN                | 27/2018/HĐ-<br>ĐTCT-<br>KX.01/16-20<br>ngày<br>5/6/2018 | 2018-2020 | 112/QĐ-<br>BKHCN<br>ngày<br>21/1/2021,<br>xếp loại Đạt  |
| 6 | Vai trò của ngân hàng xanh trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế - Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam | CN | II4.5-2013.36<br>Bộ KH&CN,<br>Quỹ<br>NAFOSTED | 14/2014/<br>II/HĐKT<br>ngày<br>20/12/2014               | 2014-2016 | 14/2014/<br>II/HĐXH<br>ngày<br>7/8/2018 xếp<br>loại Đạt |
| 7 | Đánh giá tác động của cụm khu công nghiệp đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên                                                        | CN | Sở KHCN<br>Hưng Yên                           | 38/HĐ-<br>SKHCN<br>ngày<br>25/4/2015                    | 2015-2017 | 93/QĐ-<br>SKHCN<br>ngày<br>12/8/2017,<br>xếp loại Tốt   |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT                                    | Tên bài báo/báo cáo KH                      | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Năm công bố |
|---------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|-------------|
| <b>A Trước khi được công nhận PGS</b> |                                             |            |                  |                                                 |                                                   |                                            |                |             |
| 1                                     | Phương pháp xác định chi phí vốn trung bình | 2          | x                | Tạp chí Tài chính doanh nghiệp                  |                                                   |                                            | Số 4<br>24-29  | 2002        |
| 2                                     | Sử dụng đòn bẩy tài chính trong kinh doanh  | 1          | x                | Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ            |                                                   |                                            | Số 8<br>14-15  | 2002        |

|   |                                                                                                                       |   |   |                                                                                                                |  |  |                  |      |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------|------|
| 3 | Bàn về bỏ thu sử dụng vốn ngân sách nhà nước                                                                          | 1 | x | Tạp chí Ngân hàng                                                                                              |  |  | Số 1<br>79-86    | 2004 |
| 4 | Kế hoạch hóa tài chính và xây dựng cơ cấu vốn tối ưu cho doanh nghiệp                                                 | 1 | x | Tạp chí Ngân hàng                                                                                              |  |  | Số 8<br>62-66    | 2006 |
| 5 | Bàn về cơ cấu vốn của các doanh nghiệp nhà nước hiện nay                                                              | 1 | x | Tạp chí Thanh tra tài chính                                                                                    |  |  | Số 44<br>22-24   | 2006 |
| 6 | Corporate bond market: The reality and recommendations                                                                | 1 | x | Journal of Economic Development                                                                                |  |  | Số 31<br>25 - 29 | 2008 |
| 7 | Rủi ro trong cho vay Bất động sản ở Việt Nam hiện nay và một vài gợi ý tháo gỡ                                        | 1 | x | Tạp chí Kinh tế và Phát triển                                                                                  |  |  | Số 137<br>6-9    | 2008 |
| 8 | Tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt đến khả năng huy động vốn của Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay                | 1 | x | Hội thảo quốc gia “Khó khăn, thách thức do biến động kinh tế vĩ mô và đề xuất của doanh nghiệp Việt Nam”, KTQD |  |  | 45-52            | 2008 |
| 9 | Phân tích tác động của cơ cấu vốn đến khả năng sinh lợi của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam | 1 | x | Tạp chí Phát triển Kinh tế                                                                                     |  |  | 236<br>90 - 94   | 2010 |



|    |                                                                                                       |   |   |                                                                                                                |  |  |                       |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------|------|
| 10 | The role of monetary policy in the economic crisis - The case of Vietnam                              | 1 | x | International Conference on Asian Economy, 2010. Korea University at Sejong                                    |  |  | 1-22                  | 2010 |
| 11 | The Role of board of directors-analysis of actual practices in Vietnam banks                          | 2 | x | International Vision management case studies in Vietnam                                                        |  |  | Số 19<br>29-54        | 2010 |
| 12 | Ứng dụng lý thuyết tài chính hành vi để kiểm định hành vi đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam | 2 | x | Tạp chí Kinh tế & Phát triển                                                                                   |  |  | Số 169<br>8-14        | 2011 |
| 13 | Định giá trong hoạt động M&A ngân hàng tại Việt Nam hiện nay                                          | 2 | x | Hội thảo quốc gia “Hệ thống tài chính Việt Nam với ổn định kinh tế vĩ mô”, do Đại học Kinh tế Quốc dân tổ chức |  |  | 276-<br>286           | 2011 |
| 14 | Các biện pháp tái cấu trúc Ngân hàng của Hàn Quốc - So sánh với Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam      | 1 | x | Hội thảo quốc tế “Tái cấu trúc Hệ thống Ngân hàng kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam”                   |  |  | 34-47                 | 2011 |
| 15 | Các biện pháp tái cấu trúc ngân hàng của Hàn Quốc và hàm ý cho Việt Nam                               | 1 | x | Tạp chí Ngân hàng                                                                                              |  |  | Số 11<br>24-<br>31+61 | 2012 |

|    |                                                                                                                                                   |   |   |                                                                                   |  |   |                             |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------------------------|--|---|-----------------------------|------|
| 16 | Studying on Corporate governance index of Viet Nam commercial bank - The case of a newly established, medium to large joint stock commercial bank | 2 | x | International Conference “Sustainable Manufacturing and Environmental Management” |  |   | 333 - 342                   | 2012 |
| 17 | Nghiên cứu ứng dụng chỉ số quản trị công ty cho Ngân hàng thương mại Việt Nam                                                                     | 2 | x | Tạp chí Kinh tế & Phát triển                                                      |  |   | 73-77                       | 2013 |
| 18 | Quản trị công ty trong ngân hàng. Nghiên cứu điển hình tại Ngân hàng thương mại cổ phần và ngân hàng thương mại nhà nước                          | 2 | x | Tạp chí khoa học ĐHQGHN                                                           |  | 6 | Tập 29, số 4, 63-70         | 2013 |
| 19 | Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa ở các tỉnh miền Trung                           | 2 | x | Tạp chí Kinh tế & Phát triển                                                      |  |   | Số 191 (II) T5/2013 119-129 | 2013 |

|    |                                                                                                                     |   |   |                                                                                                                  |    |  |                           |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--|---------------------------|------|
| 20 | Relationship between corporate governance and bank performance - an empirical test in Vietnamese banks              | 2 | x | Performance of Financial Markets, Deakin University, Australia, 20-22 June, 2013                                 |    |  | Tập 213-226<br>1-39       | 2013 |
| 21 | Tái cơ cấu các ngân hàng thương mại ở Việt Nam: Những kết quả đạt được và chặng đường phía trước                    | 2 | x | Hội thảo Quốc tế “Cải cách thị trường tài chính trong chiến lược tái cơ cấu nền kinh tế”                         |    |  | 25 - 50                   | 2013 |
| 22 | Ứng dụng FSI đánh giá lành mạnh tài chính của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam                                | 2 | x | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Kinh tế Việt Nam 2012-2013: Tái cơ cấu doanh nghiệp và cân đối kinh tế vĩ mô” |    |  | 353 - 378                 | 2013 |
| 23 | Hệ thống Ngân hàng Việt Nam năm 2013: Nhìn lại sau 2 năm tái cơ cấu                                                 | 1 | x | Kỷ yếu hội thảo khoa học Kinh tế Việt Nam 2013 và triển vọng 2014                                                |    |  | 401 - 417                 | 2013 |
| 24 | Testing the relationship between corporate governance and bank performance - An empirical study on Vietnamese banks | 3 | x | Asian Social Science                                                                                             | 14 |  | Tập 10, Số 9<br>213 - 233 | 2014 |

|    |                                                                                                             |   |   |                                                                                                                                               |    |                          |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------|------|
| 25 | Developing Corporate Governance Index for Vietnamese Banking system                                         | 3 | x | International Journal of Financial Research                                                                                                   | 11 | Tập 5, Số 2<br>175 - 188 | 2014 |
| 26 | Bank Restructuring - International Perspectives and Vietnam Practices                                       | 3 |   | Journal of Accounting & Finance Research                                                                                                      | 9  | Tập 3, Số 2<br>36 - 50   | 2014 |
| 27 | Comparative Study of the Role of board Director between State-Owned Bank and Joint Stock Bank in Vietnam    | 2 | x | SIU Journal of Management, the Vol.4                                                                                                          |    | Tập 4, Số 1<br>43        | 2014 |
| 28 | Hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam: Kết quả sau 2 năm tái cấu trúc                                      | 2 | x | Tạp chí Nghiên cứu kinh tế                                                                                                                    |    | Số 492,<br>34 - 41       | 2014 |
| 29 | Xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công bố thông tin của công ty niêm yết     | 3 | x | Tạp chí Khoa học ĐHQG: Kinh tế và kinh doanh                                                                                                  |    | Số 3,<br>26-36           | 2014 |
| 30 | Hệ thống chỉ tiêu đánh giá an toàn và lành mạnh tài chính (FSI) - Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam | 4 | x | Hội thảo khoa học quốc gia “Phát triển các loại thị trường trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Quan điểm và chính sách” |    | 215-230                  | 2014 |

|                                |                                                                                                                                                |   |   |                                                                                                                                               |  |    |                       |      |
|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----|-----------------------|------|
| 31                             | Phân tích cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại - Thông lệ quốc tế và thực tiễn ở Việt Nam                                                    | 3 |   | Hội thảo khoa học quốc gia “Phát triển các loại thị trường trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Quan điểm và chính sách” |  |    | 231-242               | 2014 |
| <b>B Sau khi công nhận PGS</b> |                                                                                                                                                |   |   |                                                                                                                                               |  |    |                       |      |
| 32                             | Relationship between Gender Diversity on Boards and Firm’s Performance - Case Study about ASEAN Banking Sector                                 | 3 | x | International Journal of Financial Research                                                                                                   |  | 40 | Tập 6. Số 2. 150-157  | 2015 |
| 33                             | Impact of ownership structure and bank performance-an empirical test in Vietnamese banks                                                       | 4 | x | International Journal of Financial Research                                                                                                   |  | 43 | Tập 6 Số 4 123        | 2015 |
| 34                             | Socio-economic impact of rural credit in Northern Vietnam: Does It differ between clients belonging to the ethnic majority and the minorities? | 3 | x | Asian Social Science                                                                                                                          |  | 11 | Tập 11, Số 10 159-167 | 2015 |
| 35                             | Green bank: International experiences and Vietnam perspectives                                                                                 | 2 | x | Asian Social Science                                                                                                                          |  | 22 | Tập 11 Số 28 188-199  | 2015 |

|    |                                                                                                                      |   |   |                                                                                 |            |    |                           |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------------------------------|------------|----|---------------------------|------|
| 36 | Phát triển nguồn tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội                                                    | 2 | x | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh                                  |            | 7  | Tập 31, Số 3<br>21-31     | 2015 |
| 37 | Yếu tố tác động tới rủi ro tín dụng: khảo sát định lượng đối với các ngân hàng niêm yết Việt Nam giai đoạn 2009-2014 | 3 | x | Hội thảo quốc gia “Quản trị công ty trong tái cấu trúc ngân hàng”, VNU-UEB, SBV |            |    | 17-39                     | 2015 |
| 38 | Finding economic structure and capital structure for a “greener” economy                                             | 4 | x | International Journal of Economic Research                                      | Scopus, Q4 | 5  | Tập 13, Kỳ 7<br>3153-3167 | 2016 |
| 39 | Performance of People's Credit Funds in Vietnam: The case of Mekong River Delta                                      | 2 | x | International Journal of Emerging Research in Technology and Management         |            | 3  | Tập 5, Kỳ 6<br>5-11       | 2016 |
| 40 | Xử lý nợ xấu- Cách nhìn từ các nước trong khu vực và hàm ý cho Việt Nam                                              | 3 | x | Tạp chí Ngân hàng                                                               |            |    | Số 22<br>44-50            | 2016 |
| 41 | Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam                               | 2 | x | Hội thảo quốc gia “Quản trị ngân hàng hiệu quả”, IFC, VNU-UEB, SBV              |            |    | 55-77                     | 2016 |
| 42 | Empirical Test on Impact of Monetary Policy and Fiscal Policy on Vietnam Stock market                                | 3 | x | International Journal of Financial Research                                     |            | 13 | Tập 8, Số 2<br>135-144    | 2017 |

|    |                                                                                                               |   |   |                                                                                                                                               |  |    |                        |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----|------------------------|------|
| 43 | The factors impact on the service quality of People's Credit Funds: The case of Mekong delta river in Vietnam | 5 | x | Accounting & Finance Research                                                                                                                 |  |    | Tập 6, Số 2<br>150-162 | 2017 |
| 44 | Factors affecting green banking practices, exploratory factor analysis on Vietnamese banks                    | 2 | x | Journal of Economic Development                                                                                                               |  | 47 | 24(2)<br>4-30          | 2017 |
| 45 | Empirical test on Impact of customer experience on customer loyalty in the Vietnamese banking industry        | 3 | x | International Conference Financing for innovation, entrepreneurship & renewable energy development, VNU-UEB                                   |  |    | 319-336                | 2017 |
| 46 | Heterogeneous effect of credit access on employment growth: Empirical evidence from Vietnam                   | 3 | x | International Conference Financing for innovation, entrepreneurship & renewable energy development, VNU-UEB                                   |  |    | 273-283                | 2017 |
| 47 | Chứng khoán hóa các khoản nợ: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam                                       | 3 | x | Hội thảo Khoa học quốc gia “Điều kiện hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam” - Bộ KHCN, Học viện Chính sách và Phát triển |  |    | 22-47                  | 2018 |

|    |                                                                                                                                     |   |   |                                                                                                                                               |  |    |                        |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----|------------------------|------|
| 48 | Phân tích một số điều kiện xây dựng thị trường mua bán nợ                                                                           | 3 | x | Hội thảo Khoa học quốc gia “Điều kiện hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam” - Bộ KHCN, Học viện Chính sách và Phát triển |  |    | 87-97                  | 2018 |
| 49 | Exploring Factors Influencing the Success of Crowd funding Campaigns of Startups in Vietnam”                                        | 2 | x | Journal of Accounting and Finance Research                                                                                                    |  | 22 | Tập 7, Số 2<br>19-32   | 2018 |
| 50 | Phát triển thị trường tài chính xanh: Thông lệ quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam                                                    | 2 | x | Tạp chí Tài chính                                                                                                                             |  |    | Tháng 02/2018<br>56-58 | 2018 |
| 51 | Factors affect account receivable management and its impact on Business Performance of Vietnamese Enterprises                       | 4 | x | International Conference on Finance, Accounting and Auditing: Accounting, Auditing and finance in the digital age (ICFAA 2018), NEU           |  |    | 646-665                | 2018 |
| 52 | Nhân tố tác động tới chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp: Nghiên cứu thực nghiệm tại các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam | 3 | x | Kỷ yếu hội thảo Khoa học quốc gia “Thực trạng hệ thống tài chính tiền tệ và những tác động đến sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam”       |  |    | 135-162                | 2018 |



|    |                                                                                                                               |   |   |                                                                                                                                |             |   |                                     |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---|-------------------------------------|------|
| 53 | Determinants of Account Receivable and Its Optimal Level: An Empirical Test on Vietnamese Companies.                          | 3 | x | Journal of Applied Economic Sciences                                                                                           |             | 2 | Tập 14<br>Số 2<br>468-504           | 2019 |
| 54 | The Determinants of Liquidity Risk of Commercial Banks in Vietnam                                                             | 4 | x | Banks and Bank Systems                                                                                                         | Scopus (Q3) | 0 | Tập 14,<br>Kỳ 1<br>94-110           | 2019 |
| 55 | Cross-Border Banking Services and Determinants of Bank Selection from Corporate Customer's Perspective: Evidence from Vietnam | 3 | x | Accounting and Finance Research                                                                                                |             | 1 | Tập. 8,<br>Số. 1<br>138-156         | 2019 |
| 56 | Nghiên cứu thực nghiệm cấp độ phát triển và các nhân tố ảnh hưởng ngân hàng xanh tại Việt Nam                                 | 3 | x | Tạp chí ngân hàng                                                                                                              |             |   | Chuyên đề đặc biệt<br>2019<br>27-39 | 2019 |
| 57 | Điều kiện vận hành thị trường trái phiếu xanh và hàm ý cho Việt Nam                                                           | 2 | x | Hội thảo quốc gia "Hình thành và phát triển hệ thống tài chính xanh, những luận cứ khoa học và bài học kinh nghiệm", ĐHKTP HCM |             |   | 129-139                             | 2019 |

|    |                                                                                                         |   |   |                                                                                                                                                                                     |             |   |                      |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---|----------------------|------|
| 58 | Phát triển hệ thống tài chính xanh kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam                          | 5 | x | Hội thảo quốc gia “Hình thành và phát triển hệ thống tài chính xanh, những luận cứ khoa học và bài học kinh nghiệm”, ĐHKI TP HCM                                                    |             |   | 18-30                | 2019 |
| 59 | Tín dụng thương mại của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp                 | 3 |   | Hội thảo khoa học quốc gia “Giải pháp hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam đến năm 2035, các điều kiện thực hiện”, Bộ KH-CN, Học viện Chính sách và Phát triển |             |   | 38-54                | 2019 |
| 60 | Impact of bank credit on export to ASEAN countries: Empirical study of Vietnam                          | 4 | x | Asia and The Pacific Policy Studies                                                                                                                                                 | ISI (Q1)    | 6 | Tập 7, kỳ 1<br>27-42 | 2020 |
| 61 | The factors affecting green investment for sustainable development                                      | 4 | x | Decision Science Letters                                                                                                                                                            | Scopus (Q2) | 0 | Tập 9,<br>365-386    | 2020 |
| 62 | Mối quan hệ giữa đặc điểm hội đồng quản trị và khẩu vị rủi ro của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam | 2 | x | Tạp chí Ngân hàng                                                                                                                                                                   |             |   | Số 11<br>15-20       | 2020 |

|    |                                                                                       |   |   |                                                                                                                        |  |  |                |           |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------|-----------|
| 63 | Phát triển hệ thống tài chính xanh - kinh nghiệm một số nước và gợi ý cho Việt Nam    | 1 | x | Tạp chí Cộng sản điện tử                                                                                               |  |  |                | 21/5/2020 |
| 64 | Board composition and risk taking after the financial crisis: Evidence from US. Banks | 3 | x | International Conference on Contemporary Issues in Banking, Finance and Accounting (CIFBA) for Sustainable Development |  |  | 13-37          | 2020      |
| 65 | Green financial system development: International experience and lessons for Vietnam  | 3 | x | Journal Vietnam Social Economic Development (VSED)                                                                     |  |  | Số 102, Quý 2  | 2020      |
| 66 | Impact of Board Characteristic on Bank Risk: The case of Vietnam                      | 3 | x | Journal of Asian Finance, Economics and Business                                                                       |  |  | Tập 7, kỳ 9/10 | 2020      |
| 67 | Green bank in Vietnam: Level of development and determinants                          | 3 | x | University of Economics and Business: Green Financial System in Vietnam challenges and impacts on the economy          |  |  | 28-54          | 2020      |

|    |                                                                                                                                 |   |   |                                                                                                                        |              |   |                |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---|----------------|------|
| 68 | Determinants of risk-taking of Vietnamese banks after global financial crisis                                                   | 2 | x | International Conference on Contemporary Issues in Banking, Finance and Accounting (CIFBA) for Sustainable Development |              |   | 516-545        | 2020 |
| 69 | Định vị hệ thống tài chính xanh trong nền kinh tế xanh - Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam                        | 4 | x | Hội thảo khoa học quốc gia định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam                        |              |   | 613-628        | 2020 |
| 70 | Dealing with non-performing loans during the bank restructuring process in Vietnam: Assessment using the AHP and TOPSIS methods | 3 |   | Gadjah Mada International Journal of Business                                                                          | Scopus (Q3)  | 4 | 323-347        | 2020 |
| 71 | Circular economy – International practices and implications for Vietnam                                                         | 3 |   | The international conference on contemporary issues in sustainable development (CISD2021) Part 1                       |              |   | 392-401        | 2021 |
| 72 | Restructuring measurements impact on bank risk after the global financial crisis - Empirical evidence from Vietnam              | 2 | x | Review of Pacific Basin Financial Markets and Policies                                                                 | Scopus, (Q3) |   | Vol. 24, No. 3 | 2021 |

|    |                                                                                                                                         |   |   |                                                                                                                                    |             |   |                  |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---|------------------|------|
| 73 | Insiders, outsiders ownership and performance of Vietnamese firms                                                                       | 3 | x | Gadjah Mada International Journal of Business                                                                                      | Scopus (Q3) |   | 24(3), 324-341   | 2022 |
| 74 | Exploring the Mechanisms Underlying Firms' Intent to Adopt Circular Business Models                                                     | 2 | X | Contemporary Economics                                                                                                             | ISI         |   | 17(4) 389        | 2023 |
| 75 | Advancing the Circular Business Models in Developing Countries: Lessons from China                                                      | 2 |   | Green and Low-Carbon Economy.                                                                                                      |             | 7 | Vol 2(2) 115-123 | 2024 |
| 76 | The influencing of Financial and Non-financial Factors on the Intention of Adoption of Circular Business Model - Evidences from Vietnam | 2 | X | Social Responsibility and Sustainable Development                                                                                  | ISI, Q1     |   | Accept d letter  | 2024 |
| 77 | Proposed early warning index system for proactive restructuring of Vietnam Commercial Banks                                             | 3 | x | Hội thảo quốc tế, submitted to the 11 <sup>th</sup> Global Annual Forum for Financial Consumer ĐH Cornell Brooks Public Policy, Mỹ |             |   |                  | 2024 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **08/22 bài báo quốc tế**

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1  |                                                |                 |                    |                            |            |
| 2  |                                                |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1  |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| 2  |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Tiến sỹ Tài chính ngân hàng                                 | Tham gia                       | 1879/QĐ-ĐHKT ngày 17/8/2012                  | Đại học Quốc gia Hà Nội            | 69/QĐ-ĐHQGHN ngày 13/3/2014     |         |
| 2  | Thạc sỹ Quản trị tổ chức tài chính                          | Chủ trì                        | 2295/ĐHKT ngày 15/10/2013                    | Đại học Quốc gia Hà Nội            | 2235/QĐ-ĐHQGHN ngày 01/8/2016   |         |

|   |                                                                        |          |                            |                         |                                |               |
|---|------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------------|
| 3 | Cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao                             | Chủ trì  |                            | Đại học Quốc gia Hà Nội | 4316/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/12/2016 |               |
| 4 | Thạc sĩ Tài chính ngân hàng - định hướng nghiên cứu                    | Chủ trì  | 543/QĐ-ĐHKT ngày 13/3/2015 | Đại học Quốc gia Hà Nội | 60/QĐ-ĐHQGHN ngày 9/1/2017     | Điều chỉnh CT |
| 5 | Thạc sĩ Tài chính ngân hàng - định hướng ứng dụng                      | Tham gia | 543/QĐ-ĐHKT ngày 13/3/2015 | Đại học Quốc gia Hà Nội | 60/QĐ-ĐHQGHN ngày 9/1/2017     | Điều chỉnh CT |
| 6 | Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Trường ĐH Việt Nhật, ĐHQGHN) | Tham gia | QĐ-ĐHVN: 403/4/6/2021      | Đại học Quốc gia Hà Nội |                                | Điều chỉnh CT |

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:** Không có

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ...

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....  
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

**Trần Thị Thanh Tú**